

về văn hóa để giới thiệu nước ngoài ở Việt nam, nhân dịp các lễ kỷ niệm của Việt nam và của các nước.

8. Quản lý việc đón tiếp các đoàn biểu diễn nghệ thuật và các đoàn văn hóa nước ngoài vào Việt nam; cùng các cơ quan hữu quan tổ chức và quản lý sự hoạt động của các đoàn văn hóa, biểu diễn nghệ thuật của Việt nam đi ra nước ngoài.

9. Cùng Bộ Văn hóa, Bộ Ngoại thương xét duyệt các tuyên truyền phẩm, văn hóa phẩm và các tiết mục nghệ thuật trước khi đưa ra nước ngoài.

10. Đào tạo, bồi dưỡng về nghiệp vụ cho các tùy viên văn hóa công tác tại các cơ quan đại diện ngoại giao của ta ở nước ngoài.

11. Quản lý tổ chức, cán bộ, biên chế, lao động tiền lương, tài sản, tài vụ, lễ tân... trong ngành theo chế độ chung của Nhà nước.

Điều 3. — Chủ nhiệm Ủy ban Liên lạc văn hóa với nước ngoài chịu trách nhiệm trước Hội đồng Chính phủ lãnh đạo toàn bộ công tác của Ủy ban như điều 2 đã quy định. Các Phó chủ nhiệm Ủy ban Liên lạc văn hóa với nước ngoài giúp Chủ nhiệm trong việc lãnh đạo chung và có thể được Chủ nhiệm ủy nhiệm chỉ đạo từng phần công tác của Ủy ban. Các ủy viên Ủy ban liên lạc văn hóa với nước ngoài giúp Chủ nhiệm phụ trách một số công việc hoặc một bộ phận công tác của Ủy ban.

Trong phạm vi quyền hạn của mình, trên cơ sở và để thi hành pháp luật, và các nghị định, nghị quyết, quyết định, thông tư, chỉ thị của Hội đồng Chính phủ, Chủ nhiệm Ủy ban liên lạc văn hóa với nước ngoài ra những thông tư, quyết định và kiểm tra các ngành, các cấp trong việc thi hành những thông tư, quyết định ấy; đề nghị sửa đổi hoặc bãi bỏ những thông tư, quyết định không thích đáng có liên quan đến công tác trao đổi văn hóa với nước ngoài của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ hay của Ủy ban hành chính địa phương.

Điều 4. — Tổ chức bộ máy của Ủy ban Liên lạc văn hóa với nước ngoài gồm có:

— Văn phòng.

— Vụ Liên lạc.

— Và các đơn vị sự nghiệp do Ủy ban quản lý.

Việc thành lập, sửa đổi hoặc bãi bỏ Văn phòng, Vụ và các đơn vị trong đương do Hội đồng Chính phủ phê chuẩn.

Nhiệm vụ của Văn phòng, Vụ, và các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban quản lý sẽ quy định trong điều lệ tổ chức của Ủy ban Liên lạc văn hóa với nước ngoài do Hội đồng Chính phủ phê chuẩn.

Điều 5. — Chủ nhiệm Ủy ban Liên lạc văn hóa với nước ngoài, có trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội ngày 5 tháng 10 năm 1961

T.M. Hội đồng Chính phủ

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG

NGHỊ ĐỊNH số 156-CP ngày 5-10-1961 quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Tổng cục Thủy sản

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ luật tổ chức Hội đồng Chính phủ ngày 14 tháng 7 năm 1960,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1. — Tổng cục Thủy sản là cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ có trách nhiệm quản lý công tác thủy sản và quản lý tốt các hợp tác xã nghề cá theo đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước; bảo đảm hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch phát triển nuôi, bảo vệ, khai thác, thu mua chế biến thủy sản, cung cấp và cải tiến công cụ làm nghề cá, nhằm tiến lên công nghiệp hóa nghề cá tận dụng mọi khả năng nguồn lợi thủy sản, đề thỏa mãn nhu cầu thực phẩm cho nhân dân, cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp và hàng hóa cho xuất khẩu, và góp phần củng cố quốc phòng.

Điều 2. — Tổng cục Thủy sản có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Nghiên cứu và trình Hội đồng Chính phủ ban hành các chính sách, thể lệ về thủy sản; tổ chức và chỉ đạo thực hiện các chính sách, thể lệ ấy.

2. Nghiên cứu và trình Hội đồng Chính phủ phê chuẩn kế hoạch phát triển thủy sản; tổ chức và chỉ đạo thực hiện kế hoạch ấy.

3. Nghiên cứu khoa học, kỹ thuật nuôi, khai thác, chế biến thủy sản. Tiến hành hợp tác quốc tế về khoa học, kỹ thuật thủy sản.

4. Lập quy hoạch nuôi, khai thác và bảo vệ các nguồn lợi thủy sản; tổ chức và chỉ đạo thực hiện quy hoạch ấy.

5. Tổ chức và chỉ đạo việc thu mua, chế biến thủy sản để tận dụng mọi khả năng nguồn lợi thủy sản.

6. Tổ chức và chỉ đạo công tác bảo vệ an toàn sản xuất cho dân làm nghề cá biển.

7. Cung cấp công cụ làm nghề cá, nguyên liệu, vật liệu sản xuất cho dân làm nghề cá. Cải tiến công cụ làm nghề cá.

8. Tổ chức và quản lý các xí nghiệp khai thác, chế biến hải sản, các xí nghiệp sản xuất và sửa chữa công cụ làm nghề cá thuộc Tổng cục.

9. Quản lý các hợp tác xã nghề cá.

10. Thi hành các hiệp định mà nước ta đã ký kết với nước ngoài về mặt thủy sản. Trong phạm vi ủy quyền của Chính phủ, ký kết với các cơ quan thủy sản nước ngoài những hiệp định về thủy sản.

11. Quản lý tổ chức, cán bộ, biên chế, lao động tiền lương, tài sản, tài vụ, vật tư trong ngành theo chế độ chung của Nhà nước.

Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ khoa học, kỹ thuật, công nhân chuyên nghiệp và cán bộ quản lý của ngành thủy sản. Phối hợp với Bộ Nông nghiệp trong việc đào tạo cán bộ thủy sản.

Điều 3 — Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản chịu trách nhiệm trước Hội đồng Chính phủ lãnh đạo toàn bộ công tác của Tổng cục như điều 2 đã quy định. Các Tổng cục phó Tổng cục Thủy sản giúp Tổng cục trưởng trong việc lãnh đạo chung và có thể được Tổng cục trưởng ủy nhiệm chỉ đạo từng phần công tác của Tổng cục.

Trong phạm vi quyền hạn của mình, trên cơ sở và đề thi hành pháp luật, và các nghị định, nghị quyết, quyết định, thông tư, chỉ thị của Hội đồng Chính phủ, Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản ra những thông tư, quyết định và kiểm tra các ngành, các cấp trong việc thi hành những thông tư, quyết định ấy; sửa đổi hoặc bãi bỏ những quyết định không thích đáng của cơ quan chuyên môn cấp dưới thuộc ngành mình; đề nghị sửa đổi hoặc bãi bỏ những thông tư, quyết định không thích đáng có liên quan đến công tác thủy sản của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Hội đồng Chính phủ hay của Ủy ban hành chính địa phương.

Điều 4 — Tổ chức bộ máy của Tổng cục Thủy sản gồm có:

- Văn phòng.
- Ban Thanh tra.
- Vụ Tổ chức cán bộ.
- Vụ Kế hoạch.
- Vụ Tài vụ.
- Vụ Nuôi thủy sản.
- Cục Khai thác hải sản.
- Cục Cung tiêu chế biến thủy sản.
- Và các đơn vị sự nghiệp, xí nghiệp do Tổng cục quản lý.

Việc thành lập, sửa đổi hoặc bãi bỏ Văn phòng, các Vụ, Cục, Ban và các đơn vị tương đương do Hội đồng Chính phủ phê chuẩn.

Nhiệm vụ của Văn phòng, các Vụ, Cục, Ban và các đơn vị sự nghiệp, xí nghiệp thuộc Tổng cục quản lý sẽ quy định trong điều lệ tổ chức của Tổng cục Thủy sản do Hội đồng Chính phủ phê chuẩn.

Điều 5 — Tổng cục trưởng Tổng cục Thủy sản có trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội ngày 5 tháng 10 năm 1961

T.M. Hội đồng Chính phủ

Thủ tướng Chính phủ

PHẠM VĂN ĐỒNG

NGHỊ ĐỊNH số 157-CP ngày 9-10-1961
quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Ngoại giao.

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ luật tổ chức Hội đồng Chính phủ ngày 14 tháng 7 năm 1960,

NGHỊ ĐỊNH:

Điều 1 — Bộ Ngoại giao là cơ quan của Hội đồng Chính phủ phụ trách công tác ngoại giao, và quản lý thống nhất công tác đối ngoại theo đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước, nhằm bảo vệ chủ quyền và lợi ích dân tộc trên trường quốc tế, nâng cao địa vị của nước Việt nam dân chủ cộng hòa, tranh thủ mọi điều kiện quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh hòa bình thống nhất nước nhà, góp phần giữ gìn và củng cố hòa bình ở Đông Nam Á và thế giới.

Điều 2 — Bộ Ngoại giao có nhiệm vụ và quyền hạn:

1. Đại diện Nhà nước trong quan hệ ngoại giao với nước ngoài.

2. Trực tiếp tiến hành những công tác ngoại giao của Nhà nước; phối hợp với các Bộ, các ngành tổ chức và tiến hành các cuộc đàm phán, các cuộc ký kết những hiệp ước, hiệp nghị với nước ngoài; theo dõi sự thực hiện những hiệp ước, hiệp nghị ấy; tổ chức những phái đoàn Chính phủ đi nước ngoài; tổ chức đón tiếp các phái đoàn Chính phủ nước ngoài đến nước ta; thực hiện việc trao đổi đại diện ngoại giao với các nước; giao thiệp với đại diện ngoại giao của các nước ở trong nước.

3. Thường xuyên báo cáo lên Chính phủ tình hình và công tác đối ngoại của Nhà nước; nghiên cứu và trình Hội đồng Chính phủ xét duyệt những chính sách và chủ trương đối ngoại.

4. Chỉ đạo các Đại sứ quán, Tổng lãnh sự quán và Lãnh sự quán của nước ta ở các nước.

5. Tổ chức hoặc giúp đỡ các đoàn đại biểu của nước ta tham gia các hội nghị quốc tế; góp ý kiến với các Bộ, các ngành về việc tham gia các tổ chức quốc tế.

6. Nghiên cứu và trình Hội đồng Chính phủ phê chuẩn những quy định về lễ nghi của Nhà nước thực hiện những lễ nghi ấy trong việc giao thiệp với các nước.

7. Bảo vệ quyền lợi của Việt kiều ở nước ngoài, góp phần quản lý ngoại kiều ở trong nước.

8. Thực hiện các quy chế về công tác lãnh sự của Chính phủ.

9. Quản lý các phòng viên báo chí, thông tin nước ngoài, và các hoạt động báo chí thông tin của các cơ quan đại diện các nước ở trong nước; quản lý việc công bố tin tức và văn kiện ngoại giao.

10. Tổ chức việc lưu trữ các văn kiện ngoại giao của Nhà nước.

11. Quản lý tổ chức, cán bộ, biên chế, lao động tiền lương, tài sản, tài vụ trong ngành theo chế độ chung của Nhà nước.

12. Theo dõi, hướng dẫn và giúp đỡ các Bộ, các ngành ở trung ương và các Ủy ban hành chính địa phương về công tác đối ngoại. Các Bộ, các ngành ở trung ương và các Ủy ban hành chính địa phương thông báo cho Bộ Ngoại giao hoạt động đối ngoại của mình mỗi khi cần thiết.